

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/11/2020
Về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Vũ Thị Khuôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT: Xóm Đ, thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm 1984.

ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm Đ, thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh một thời gian thì chuyển về sinh sống tại xóm Đ, xã T, huyện T (*nay là thành phố H*), tỉnh Hải Dương. Cuộc sống không hạnh phúc vì vợ chồng không có con chung. Vợ chồng đã chữa trị ở nhiều nơi, bằng nhiều biện pháp khác nhau trong thời gian dài nhưng đều không có kết quả làm cho cả hai cảm thấy mệt mỏi, chán nản dẫn đến tình cảm rạn nứt. Vợ

chồng sống ly thân gần hai năm nhưng không có biện pháp đoàn tụ. Nay cả hai không còn tình cảm với nhau nên chị khởi kiện xin ly hôn anh D.

Chị và anh D không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung này.

Tại văn bản trình bày quan điểm và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Văn D trình bày thống nhất với chị L về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng. Vì kết hôn đã nhiều năm và đã tìm nhiều biện pháp chữa trị nhưng vợ chồng vẫn không có con làm cho cả hai luôn bị áp lực, cuộc sống căng thẳng. Vì không muốn duy trì tình trạng chung sống như vậy nữa nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng hai năm. Nay chị L xin ly hôn, anh tự nguyện nhất trí ly hôn để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Anh và chị L không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung này. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tiến hành các thủ tục khác vắng mặt anh.

Qua xác minh, đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương nơi anh D sinh sống đều phản ánh: Anh D, chị L không có con chung và đã sống ly thân một thời gian.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh D nhất trí ly hôn chị L.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2013 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Xử cho chị L được ly hôn anh D. Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Các đương sự thống nhất xác định cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng kết hôn nhiều năm và đã tìm nhiều biện pháp chữa trị nhưng vẫn

không có con làm cho cả hai bên bị áp lực, căng thẳng, mệt mỏi. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian và cùng xác định không thể đoàn tụ. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D nhất trí ly hôn chị L nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên cần xử cho chị L được ly hôn anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh D không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn D.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0002513 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường C, TP. C, tỉnh Quảng Ninh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy